

PHỤ LỤC CHI TIẾT NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
PHẦN MỞ ĐẦU			
	 Điều lệ này được <u>Công ty thông qua</u> và cổ đông của Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông <u>tổ chức chính thức vào ngày tháng năm 2021.</u>	Điều chỉnh ngắn gọn phần mở đầu Điều lệ này được <u>Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua</u> theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông <u>tổ chức vào ngày tháng năm 2021.</u>	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ			
Điều 1. Định nghĩa	Điều 1. Định nghĩa 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần <u>đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ;</u> b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, <u>thay thế từng thời kỳ;</u> c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa	Điều chỉnh quy định tại điểm a, b, c, e, h Khoản 1. Bổ sung điểm k, l, m, n, o, p, q tại Khoản 1. Điều 1. Định nghĩa 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần <u>đã bán quy định tại Điều 5 của Điều lệ;</u> b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, <u>bổ sung, hướng dẫn thi hành luật này;</u> c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, thay thế từng thời kỳ; d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu; e. "Người điều hành doanh nghiệp" là <u>Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Ban Tổng Giám đốc Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</u> f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán; g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán; h. "Thời hạn hoạt động" là <u>thời hạn</u> hoạt động của Công ty được quy định tại <u>Điều 2 của Điều lệ này</u> và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết. i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, <u>bổ sung, hướng dẫn thi hành luật này;</u> d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu; e. "Người điều hành doanh nghiệp" là <u>Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;</u> f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán; g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán; h. "Thời hạn hoạt động" là <u>thời gian</u> hoạt động của Công ty được quy định tại <u>Khoản 6 Điều 2 của Điều lệ này</u> và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết. i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. k. "<u>Điều lệ</u>" có nghĩa là <u>Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ</u>	
--	---	---	--

		phần thiết bị y tế Việt Nhật; <u>l. “Cổ đông” là bất kỳ cá nhân, tổ chức nào sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;</u> <u>m. “Người phụ trách quản trị Công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u> <u>n. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u> <u>o. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;</u> <u>p. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;</u> <u>q. “Công ty” là Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật.</u>	
	2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc <u>một số quy định hoặc văn bản khác</u> sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc <u>hiểu nội dung</u> và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này; 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã	Điều chỉnh quy định tại Khoản 2 Khoản 3 và Khoản 4. 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc <u>một số quy định hoặc văn bản pháp luật hoặc văn bản khác</u> sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm	

	được định nghĩa trong <u>Luật Doanh nghiệp</u> (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	thuận tiện cho việc <u>tham chiếu</u> nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này; 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong <u>Luật Doanh nghiệp</u> , <u>Luật Chứng khoán</u> (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	
--	--	---	--

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	1. Tên Công ty - o Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT - o Tên tiếng Anh: JAPAN VIETNAM MEDICAL INSTRUMENT JOINT STOCK COMPANY - o Tên giao dịch: JAPAN VIETNAM MEDICAL INSTRUMENT JOINT STOCK COMPANY - o Tên viết tắt: JVC [.....]	Bổ quy định Tên giao dịch tại Khoản 1. Sửa đổi tên viết tắt tại Khoản 1. 1. Tên Công ty - o Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT - o Tên tiếng Anh: JAPAN VIETNAM MEDICAL INSTRUMENT JOINT STOCK COMPANY - o Tên viết tắt: JV.,JSC [.....] Điều chỉnh và bổ sung quy định quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật quy định tại Khoản 4 . Điều chỉnh Khoản 5.	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020
--	--	--	------------------------------------

	4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty. 5. Công ty có thể thành lập chi nhánh, và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép	4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty. <u>Quyền hạn và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật:</u> a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách là người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. b. Người đại diện theo pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân khác thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. 5. Công ty có thể thành lập công ty con, đầu tư, góp vốn vào các công ty thành viên; thành lập chi nhánh, và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh và thiết lập hệ thống đại lý, địa điểm kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép	
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY			
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	1.Lĩnh vực kinh doanh của	Điều chỉnh tên ngành nghề của mã ngành 8211 tại Khoản 1. Bổ sung, làm rõ quy định tại Khoản 2 1.Lĩnh vực kinh doanh của Công	Điều chỉnh phù hợp với Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 26/7/2018 và Luật Doanh nghiệp 2020

	Công ty bao gồm những ngành nghề sau: <table><tr><th>Stt</th><th>Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>43</td><td>Dịch vụ hành chính và hỗ trợ văn phòng</td><td>8211</td></tr></table> 2.Mục tiêu hoạt động của Công ty là <u>nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các cổ đông</u>	Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	43	Dịch vụ hành chính và hỗ trợ văn phòng	8211	ty bao gồm những ngành nghề sau: <table><tr><th>Stt</th><th>Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>43</td><td>Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp</td><td>8211</td></tr></table> 2.Mục tiêu hoạt động của Công ty: - <u>Đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật cho phép;</u> - <u>Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty có thể đầu tư, góp vốn, hợp tác, công tác, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề đã đăng ký nhằm tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho người lao động, các cổ đông, Công ty và toàn xã hội. Phát triển thêm các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác nếu điều kiện thực tế của Công ty và pháp luật cho phép.</u>	Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	43	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211	
Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành													
43	Dịch vụ hành chính và hỗ trợ văn phòng	8211													
Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành													
43	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211													
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	1.[...] 2.[...]	Bổ sung Khoản 3. 1.[...] 2.[...] 3. Ngoài ra, Công ty có thể sử dụng vốn dư hoặc nhận rồi để đầu tư tài chính hoặc kinh doanh	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020												

		<u>chứng khoán phù hợp với quy định về quản lý tài chính của Công ty.</u>	
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG			
Tên chương IV	CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	Sửa đổi tên Chương IV. CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.125.001.710.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn một trăm hai mươi lăm tỷ một triệu bảy trăm mười nghìn đồng.) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 112.500.171 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là <u>cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định ucar Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</u>	Điều chỉnh tên Điều 5, Khoản 1, Khoản 6, Khoản 7. Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông 1. Vốn điều lệ của Công ty <u>tại thời điểm thông qua Điều lệ này</u> là 1.125.001.710.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn một trăm hai mươi lăm tỷ một triệu bảy trăm mười nghìn đồng.) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 112.500.171 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại <u>sẽ được xử lý theo quy định pháp luật.</u>	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	7. <u>Ngoài</u> việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và các loại trái phiếu, chứng chỉ ghi nợ <u>thuộc thẩm quyền quyết định</u> của <u>Hội đồng quản trị</u>, Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác <u>khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua</u> và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	7. <u>Hội đồng Quản trị quyết định</u> việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và các loại trái phiếu, chứng chỉ ghi nợ <u>và</u> các loại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Bổ sung Khoản 8. 8. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty được đăng ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp tại các ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được Công ty lưu trữ tại trụ sở theo quy định của pháp luật.	
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, <u>trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.</u> 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội	Sửa đổi bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 5. 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Cổ phiếu là loại chứng khoán <u>xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu</u> do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp. 3. Trong thời hạn <u>hai tháng</u> kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu <u>hoặc bất kỳ một khoản phí gì.</u> [...] 5. Trường hợp giấy chứng nhận cổ phiếu <u>bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu</u> đó có thể đề nghị được cấp giấy chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp. 3. Trong thời hạn <u>20 (hai mươi) ngày</u> kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. [...] 5. Trường hợp giấy chứng nhận cổ phiếu <u>bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, cổ đông</u> có thể đề nghị được cấp giấy chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần, <u>cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới</u> và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. <u>Sau mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, Công ty sẽ cấp Chứng nhận cổ phiếu mới thay thế.</u>
--	--	---

	6. Công ty có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.	Lược bỏ quy định tại Khoản 6	
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và <u>dấu</u> của Công ty.	Điều chỉnh Điều 7. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (<u>trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tam thời và các tài liệu tương tự thư chào bán, chứng chỉ tam thời</u>) được phát hành có <u>dấu và chữ ký mẫu</u> của người đại diện theo pháp luật của Công ty, <u>trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</u>	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Phương án phát hành cổ phần, giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, Điều lệ này hoặc pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các	Điều chỉnh Khoản 1. 1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Phương án phát hành cổ phần, giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, Điều lệ này hoặc pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.	pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG			
Điều 11. Quyền của cổ đông	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện <u>được uỷ quyền hoặc tham gia và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa dưới hình thức gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;</u> b. Nhận cổ tức; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ <u>theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</u> [...] g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <u>số cổ phần góp vốn vào</u> công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác	Điều chỉnh Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm g Khoản 1 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham gia, <u>phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc tham gia và biểu quyết thông qua hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</u> b. Nhận cổ tức <u>với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u> c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ <u>của mình cho người khác, trừ trường hợp Điều lệ, pháp luật hoặc phương án phát hành cổ phần có quy định khác;</u> [...] g. Trường hợp Công ty giải thể <u>hoặc phá sản</u>, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng <u>với tỉ lệ sở hữu cổ phần</u> tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	theo quy định của pháp luật; [...] i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	định của pháp luật; [...] Bổ sung Điểm i, Điểm k, Điểm l. Điều chỉnh Điểm i cũ thành Điểm m. <u>i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</u> <u>k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</u> <u>l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</u> m. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. Điều chỉnh Điểm a Khoản 3. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu <u>Hội đồng quản trị thực hiện</u> việc triệu tập Đại hội	
--	---	--	--

		đồng cổ đông bất thường theo các quy định tại <u>Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u>; [...] Bổ sung Điểm d và thay đổi Điểm d cũ thành Điểm e Khoản 3.	
	<u>d.</u> Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	<u>d.</u> Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. <u>e.</u> Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	Cổ đông có nghĩa vụ sau: 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; 2. Thanh toán <u>tiền mua cổ phần</u> đã <u>đăng ký</u> mua theo quy định; 3. Cung cấp <u>địa chỉ</u> chính xác khi đăng ký mua cổ phần;	Điều chỉnh Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3. Cổ đông có nghĩa vụ sau: 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành <u>ngợi quyết</u>, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; 2. Thanh toán <u>đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết</u> mua theo quy định; 3. Cung cấp <u>thông tin đầy đủ, chính xác</u> khi đăng ký mua cổ phần <u>và cập nhật thay đổi</u> trong	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	[...]	<u>quá trình nắm giữ cổ phần;</u> [...] Bổ sung Khoản 7, Khoản 8. <u>7. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</u> <u>8. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</u> <u>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> <u>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</u> <u>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> <u>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</u> <u>e) Tham dự và gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty và</u>	
--	--------------	---	--

		<u>pháp luật liên quan.</u>	
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>công ty đại chúng có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</u>	Điều chỉnh Khoản 1 và Khoản 2. 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u> 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ</u>	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

		<u>đồng thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</u> Lược bỏ Điểm b, Điểm e Khoản 3. Thay đổi Điểm c cũ thành Điểm b, Điểm d cũ thành Điểm c.	
	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; <u>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;</u> c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; <u>b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</u> c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông	

tất cả các cổ đông có liên quan); <u>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</u> f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>90 (chín mươi) ngày</u> kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm <u>3c</u> Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>Khoản 3d và 3e Điều 13</u>. [...] c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Khoản 4b Điều 13</u> thì <u>trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo</u>, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <u>Khoản 3d Điều 13</u>	có liên quan); Bổ sung điểm d. d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm sát Thay đổi Điểm f cũ thành Điểm e. e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>30 (ba mươi) ngày</u> kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm <u>3b</u> Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>Khoản 3c và 3d Điều này</u>. [...] c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Khoản 4b Điều 13</u> thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <u>Khoản 3c Điều 13</u> có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội	
--	--	--

	có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. [...]	đồng cổ đông theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. [...] Bổ sung Điểm e Khoản 4. e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này.	
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>có quyền thảo luận và thông qua:</u> a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; [...] c. Báo cáo của Hội đồng quản trị; d. Báo cáo của Ban kiểm soát;	Điều chỉnh Khoản 1, Điểm a, c, d Khoản 1. Bổ sung các Điểm e, f, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v Khoản 1. 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và Đại hội theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <u>thông qua các quyết định về các vấn đề sau:</u> a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty, <u>điều chỉnh hoặc bổ sung Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</u> [...] c. Báo cáo của Hội đồng quản trị <u>về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u> d. Báo cáo của Ban kiểm soát <u>về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u>	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

		e. <u>Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</u> f. <u>Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</u> g. <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u> h. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</u> i. <u>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u> k. <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</u> l. <u>Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</u> m. <u>Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành, chào bán đối với mỗi loại cổ phần;</u> n. <u>Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</u> o. <u>Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</u> p. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong</u>	
--	--	---	--

		<u>Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Báo cáo tài chính gần nhất quy định tại khoản này được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập với thời hạn trước không quá 90 ngày tính đến ngày ra quyết định;</u> <u>q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</u> <u>r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u> <u>s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u> <u>t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</u> <u>u. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</u> <u>v. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u> Điều chỉnh Khoản 2. Lược bỏ các Điểm a, b, c, d, e, f, g, h, i, j, k, l, m, n, p, q, r, g, t, v, o.	
--	--	--	--

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua các vấn đề sau quyền và nghĩa vụ sau: a. Thông qua định hướng phát triển của công ty; b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần; c. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; d. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty; f. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; g. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm; h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại; i. Xem xét, xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;	2. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét và quyết định các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông giữa các kỳ Đại hội.	
--	--	--

	<u>j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</u> <u>k. Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</u> <u>l. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u> <u>m. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</u> <u>n. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</u> <u>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</u> <u>q. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;</u> <u>r. Thay đổi về các ưu đãi, các đặc quyền hoặc các quyền của một loại hoặc các loại Cổ Phần</u>	
--	--	--

	<u>của Công Ty hoặc các suy giảm về lợi ích của các cổ đông của Công Ty;</u> <u>s. Thay đổi đáng kể về phạm vi, nội dung, bao gồm cả bất kỳ thay đổi đáng kể nào về định hướng chiến lược và/hoặc việc tham gia bất kỳ ngành nghề kinh doanh mới nào của Công Ty;</u> <u>t. Bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc niêm yết, hủy niêm yết của Công Ty;</u> <u>v. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</u> <u>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u> 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Các hợp đồng quy định tại <u>Điều 14.2 Điều lệ này</u> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;		
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì	Điều chỉnh Điểm a Khoản 3. 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Các hợp đồng quy định tại Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	
	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh	Điều chỉnh Khoản 1. 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: [...] b. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; [...] <u>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</u>	nghiệp và Điều lệ này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Điều chỉnh Điểm d Khoản 2. 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: [...] b. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp. Tại các cuộc họp mà do Hội đồng quản trị triệu tập, Hội đồng quản trị có thể ban hành quy chế cụ thể bằng văn bản cho phép việc ủy quyền qua điện thoại, fax hoặc email nếu đảm bảo được việc xác nhận được và lưu trữ được nội dung ủy quyền; [...] Điều chỉnh Khoản 4, Điểm c Khoản 4. 4. Trừ trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện dưới đây trước giờ khai mạc hai mươi tư (24) giờ, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi: [...]	
--	--	---	--

	[...] c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. <u>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</u>	c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.	
Điều 16. Thay đổi các quyền	1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó. 2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc	Điều chỉnh Khoản 1. 1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Lược bỏ Khoản 2.	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, <u>những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</u> 3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20. 4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến <u>chia sẻ lợi nhuận</u> hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	Điều chỉnh Khoản 3 và Khoản 4 cũ. Thay đổi Khoản 3 cũ thành Khoản 2, Khoản 4 cũ thành Khoản 3. 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 <u>Điều lệ này.</u> 3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến <u>phân phối lợi nhuận</u> hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đồng, chương trình	1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c của	Điều chỉnh Khoản 1. 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <u>Điều 13.3</u> của Điều lệ này.	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

hợp, và thông báo hợp Đại hội đồng cổ đồng	Điều lệ này. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <u>không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</u> [...] 3. Thông báo họp ĐHĐCĐ <u>phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những</u>	Điều chỉnh Điểm a Khoản 2. Bổ sung Điểm d, e, f, g. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. <u>Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</u> [...] b. <u>Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</u> c. <u>Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</u> ad. <u>Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</u> e. <u>Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</u> f. <u>Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</u> g. <u>Các công việc khác phục vụ đại hội.</u> 3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ <u>đã đăng ký</u> của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty
--	--	---

	yêu cầu khác đối với người dự họp. <u>Thông báo</u> được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và <u>trang thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết cổ phần</u>, trong trường hợp cổ phần của Công ty được niêm yết, chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).. [...] 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng <u>thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung</u>; [...] c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và	chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). <u>Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</u> a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có); c) Phiếu biểu quyết; d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; e) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. [...] Điều chỉnh Điểm a, c Khoản 5. 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng <u>quy định tại khoản 4 Điều này</u>; [...] c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông	
--	--	---	--

	thông qua. <u>Trong trường hợp này, Người triệu tập họp phải trả lời cổ đông bằng văn bản chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nêu rõ lý do của việc từ chối.</u> 6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	qua; Bổ sung Điểm d Khoản 5. <u>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp này, Người triệu tập họp phải trả lời cổ đông bằng văn bản chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nêu rõ lý do của việc từ chối.</u> Bổ sung Khoản 6. 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Thay đổi Khoản 6 cũ thành Khoản 7, Khoản 7 cũ thành Khoản 8. Điều chỉnh Khoản 7 cũ. 7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	
--	--	--	--

	7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng <u>thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</u>	8. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng <u>trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u>	
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	2. <u>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</u> 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do <u>không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được</u>	Điều chỉnh Khoản 2 và Khoản 3. 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.	dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.	
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc phương thức khác do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu trên cơ sở đề xuất của Chủ tọa. Số lượng thành viên của ban kiểm phiếu do Chủ tọa quyết định căn cứ trên số lượng cổ đông dự họp và các vấn đề được đưa vào chương trình họp nhưng không quá năm (05) người.</u>	Điều chỉnh Khoản 2, 3, 4, 6. 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu trên cơ sở đề xuất của Chủ tọa. Số lượng thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ trên đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</u>	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến <u>muộn</u> đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. [...]	3. Cổ đông, <u>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền</u> đến dự Đại hội đồng cổ đông <u>đến khi cuộc họp đã khai mạc</u> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất <u>Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;</u> <u>Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</u> [...]	
	6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có	6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại	

	đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) <u>hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.</u> Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó. [...]	biểu cần thiết <u>tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; (c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</u> [...] Bổ sung Khoản 13. <u>13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp quy định pháp luật.</u>	
		Điều chỉnh Khoản 1.	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm

	1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, <u>trừ trường hợp triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên phải tổ chức bằng cuộc họp.</u> 2. <u>Nghi quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây có thể được thông qua trực tiếp tại cuộc họp hoặc thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản:</u> a. <u>Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</u> b. <u>Định hướng phát triển công ty;</u> c. <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> d. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u> e. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</u> f. <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</u> g. <u>Tổ chức lại, giải thể công ty.</u> 3. <u>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4, 5, 6 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ trên 50% tổng số phiếu bầu</u>	1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Lược bỏ Khoản 2. <u>Điều chỉnh Khoản 3 cũ. Thay đổi Khoản 3 cũ thành Khoản 2.</u> 2. <u>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, 4 của Điều 20 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ trên 50% tổng số phiếu tán</u>	2020
--	---	---	------

	của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. 4. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	<u>thành</u> của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông <u>hoặc trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</u> <u>Điều chỉnh Khoản 4 cũ. Thay đổi Khoản 4 cũ thành Khoản 3.</u> 3. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. <u>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc do hai ứng cử viên đó hiệp thương đạt được kết quả một người rút lui, trường hợp này phải có xác nhận bằng văn bản của người rút lui gửi Ban kiểm phiếu.</u> <u>Điều chỉnh Điểm d Khoản 5 cũ. Thay đổi Khoản 5 cũ thành Khoản 4.</u>
--	--	---

	<u>5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</u> [....] d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; <u>6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</u> <u>7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</u>	<u>4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</u> [....] d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. <u>Báo cáo tài chính gần nhất quy định tại khoản này được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập với thời hạn trước không quá 90 ngày tính đến ngày ra quyết định;</u> Lược bỏ Khoản 6 cũ. <u>Thay đổi Khoản 5 cũ thành Khoản 7.</u> <u>5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</u> Bổ sung Khoản 6.	
--	--	--	--

		6. <u>Đại hội đồng cổ đông thông qua các giao dịch đối với cổ đông nội bộ theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông nội bộ và người liên quan đến cổ đông nội bộ không có quyền biểu quyết trong trường hợp này.</u>	
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	[...] 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ <u>thường trú</u> của từng cổ đông; công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này; 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: [...]	Điều chỉnh Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6. [...] 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>tất cả</u> quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ <u>liên lạc</u> của từng cổ đông; công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này; 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: [...]	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ <u>thường trú</u>, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; [...] e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; [...] g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;; 4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây: [...] c. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. <u>Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</u>	c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ <u>liên lạc</u>, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; [...] e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến <u>đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</u> [...] g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và được đóng dấu Công ty;</u> 4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây: [...] c. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. <u>Phiếu lấy ý kiến đã được gửi đến đúng địa chỉ đăng ký của Cổ đông nhưng không được cổ đông gửi về Công ty theo đúng thời hạn quy định hoặc Phiếu lấy ý kiến không thể gửi được đến cho cổ đông (do không xác định được chính xác</u>
--	--

	<u>địa chỉ của cổ đông, địa chỉ cổ đông không đầy đủ, địa chỉ cổ đông cung cấp không đúng,...) thì được coi là phiếu không tham gia biểu quyết</u> [...] 5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, <u>nơi đăng ký kinh doanh</u>; [...] 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; [...]	<u>địa chỉ của cổ đông, địa chỉ cổ đông không đầy đủ, địa chỉ cổ đông cung cấp không đúng,...) thì được coi là phiếu không tham gia biểu quyết</u> [...] 5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; [...] 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu <u>và nghị quyết được gửi tới các cổ đông</u> được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; [...]	
--	--	---	--

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: [...] i. Họ tên, Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và <u>tiếng Anh</u> đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và <u>tiếng Anh</u> thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. [...]	Điều chỉnh Khoản 1. 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi <u>hình</u> và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: [...] i. Họ tên, Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và <u>tiếng nước ngoài</u> (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và <u>tiếng nước ngoài</u> thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. [...] Bổ sung Khoản 5, 6. <u>5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết đó.</u> <u>6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</u> <u>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố</u>	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020
--	---	--	---

		<u>thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty cùng với phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp.</u>	
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện đúng theo quy định của Luật và Điều lệ công ty;</u>	Điều chỉnh Khoản 1, 2. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được <u>Nghi quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</u> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <u>vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định</u>	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	2. <u>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</u>	tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ này; 2. <u>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</u>	
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
	1. [...] <u>g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</u> 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử số lượng ứng viên tương đương với 1/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu đảm bảo ít nhất là một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 2/5 tổng số lượng thành viên Hội	Lược bỏ Điều g cũ. Bổ sung Điều g Khoản 1. 1. [...] <u>g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</u> Điều chỉnh Khoản 2. 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền <u>ứng cử</u>, đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử số lượng ứng viên tương đương với 1/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu đảm bảo ít nhất là một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 2/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu; từ 30%	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	đồng Quản trị được bầu; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 3/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 4/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu; và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa đủ số lượng ứng viên tương đương với 100% số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu.	đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 3/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 4/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu; và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa đủ số lượng ứng viên tương đương với 100% số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu. Bổ sung Khoản 5, 6. <u>5. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u> <u>a.Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</u> <u>b.Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty. .</u> <u>c.Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.</u> <u>6. Ngoài các điều kiện trên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u> <u>a.Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc</u>
--	---	--

		<u>công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.</u> <u>b.Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên độc lập Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</u> <u>c.Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</u> <u>d.Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</u> <u>e.Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;</u> <u>f.Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u>	
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá	Điều chỉnh Khoản 1. 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm;	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u> <u>2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</u> <u>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</u> <u>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</u> <u>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u> <u>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</u>	thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u> Lược bỏ quy định Khoản 2 cũ.	
--	--	---	--

	e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung quy định Khoản 2, 3, 4, 5. 2. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. 3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận; c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty. 4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty. 5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. Điều chỉnh quy định Khoản 3 cũ. Thay đổi Khoản 3 cũ thành Khoản 6.	
--	---	--	--

	3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.	6. Việc bầu, từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo và công bố thông tin theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Lược bỏ quy định Khoản 4 cũ..	
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	1.[...] 3.[...] c. <u>Bổ nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc người điều hành khác hoặc người đại diện của Công ty và quyết định mức lương của họ. Đồng thời, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức những người giữ chức vụ nêu trên khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm, cách chức nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, cách chức (nếu có).</u> .[...] f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;	Điều chỉnh Điểm f, i, j, l, m, p, w Khoản 3. 1.[...] 3.[...] c. <u>Bổ nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc người điều hành khác hoặc người đại diện của Công ty và quyết định mức lương của họ. Đồng thời, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức những người giữ chức vụ nêu trên khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm, cách chức nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, cách chức (nếu có).</u> .[...] f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; <u>quyết</u>	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; [...] i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; j. <u>Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;</u> k. <u>Bất kỳ sửa đổi nào đối với các văn kiện thành lập của Công Ty, trừ Điều lệ và các văn bản khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật;</u> l. Phê duyệt việc đầu tư, bán hoặc chuyển nhượng tất cả hoặc bất kỳ tài sản nào của Công Ty có giá trị <u>dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi nhận trong Báo Cáo Tài Chính được kiểm toán gần nhất của Công Ty; HĐQT có thể phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc phê duyệt việc đầu tư, bán hoặc</u>	<u>định việc phát hành trái phiếu (không bao gồm hình thức phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền) và quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u> [...] i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; <u>quyết định phân bổ các quỹ của Công ty đúng với mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> j. <u>Kiến nghị việc hợp nhất, sáp nhập tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty</u> <u>Lược bỏ quy định Điểm k Khoản</u> l. Phê duyệt việc đầu tư, bán hoặc chuyển nhượng tất cả hoặc bất kỳ tài sản nào của Công Ty có giá trị <u>từ 25% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi nhận trong Báo Cáo Tài Chính được kiểm toán gần nhất của Công Ty. Báo cáo tài chính gần nhất được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập</u>	
---	--	--

<u>chuyển nhượng tài sản nêu trên, việc phân quyền này được quy định cụ thể trong Quy chế tài chính hoặc văn bản khác do HĐQT ban hành;</u> <u>m. Phê duyệt việc vay nợ, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty. HĐQT có thể phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc phê duyệt từng khoản vay hoặc bảo lãnh, việc phân quyền này được quy định cụ thể trong Quy chế tài chính hoặc văn bản khác do HĐQT ban hành;</u> [...] p. Phê duyệt bất kỳ chi phí đầu tư xây dựng cơ bản nào ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của Công Ty và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản đó vượt mức 03 (ba) tỷ VND trong bất kỳ khoảng thời gian 12 (mười hai) tháng nào (ngoại trừ các chi phí vốn đã được HĐQT của Công Ty phê duyệt theo dự toán chi phí hoạt động hàng năm của Công Ty). HĐQT có thể phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt từng mức chi phí đầu tư xây dựng cơ bản,	<u>không quá 90 ngày trước ngày ra quyết định;</u> <u>m. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, bảo đảm và hợp đồng khác, và vấn đề bồi thường thiệt hại từ các giao dịch, hoạt động của Công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</u> [...] p. Phê duyệt bất kỳ chi phí đầu tư xây dựng cơ bản nào ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của Công Ty và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản đó vượt mức 03 (ba) tỷ VND trong bất kỳ khoảng thời gian 12 (mười hai) tháng nào (ngoại trừ các chi phí vốn đã được HĐQT của Công Ty phê duyệt theo dự toán chi phí hoạt động hàng năm của Công Ty). HĐQT có thể phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật phê duyệt từng mức chi phí
--	--

	việc phân quyền này được quy định cụ thể trong Quy chế tài chính hoặc văn bản khác do HĐQT ban hành; [...] w. Trình báo cáo <u>quyết toán</u> tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.	đầu tư xây dựng cơ bản, việc phân quyền này được quy định cụ thể trong Quy chế tài chính hoặc văn bản khác do HĐQT ban hành; [...] w. Trình báo cáo tài chính hằng năm <u>đã được kiểm toán</u> lên Đại hội đồng cổ đông. Bổ sung quy định x, y, z Khoản 3. <u>x. Thông qua các giao dịch có giá trị từ 25% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với các đối tượng thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</u> <u>y. Hội đồng Quản trị được quyền quyết định đối với những nội dung liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và việc sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành này trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật.</u> <u>z. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ và Quyết định/ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u>	
	4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;	Điều chỉnh Điểm a, b, c Khoản 4.	

	<u>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</u> <u>c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh). HĐQT có thể phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc phê duyệt theo mức giá trị của các hợp đồng này;</u> [...] <u>f. Việc tham gia góp vốn thành lập, mua hoặc bán phần vốn góp, cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài. HĐQT có thể phân quyền cho Chủ tịch Hội</u>	4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a. Thành lập, giải thể, tái cơ cấu chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; <u>b. Quyết định thành lập, giải thể, tái cơ cấu công ty con, góp vốn, mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và cử, quyết định quyền lợi của người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các công ty do Hội đồng quản trị quyết định thành lập, góp vốn, mua cổ phần/ phần vốn góp;</u> c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và các trường hợp được quy định rõ ràng phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh);	
--	---	---	--

	<u>đồng Quản trị, Tổng Giám đốc phê duyệt theo tổng mức giá trị phần vốn, cổ phần dự kiến góp/mua/bán;</u> g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; h. Việc công ty mua hoặc thu hồi cổ phần theo quy định tại Điều 130 của Luật Doanh nghiệp; i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;	[...] Lược bỏ quy định Điểm f Khoản 4. Điều chỉnh Điểm g cũ và Điểm h cũ Khoản 4. Thay đổi Điểm g cũ thành Điểm h và Điểm h cũ thành Điểm g. f. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền <u>trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty</u>, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; g. Việc công ty mua hoặc thu hồi cổ phần theo quy định tại <u>khoản 1 và khoản 2 Điều 133</u> của Luật Doanh nghiệp; Thay đổi Điểm i cũ thành Điểm h. h. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; Bổ sung Điểm i Khoản 4. <u>i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</u>	
--	--	---	--

	6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho <u>nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</u> 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được. 8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	Điều chỉnh Khoản 6, 7, 8. Bổ sung Khoản 11. 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho <u>Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, nhân viên cấp dưới và/hoặc Người quản lý khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</u> 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình <u>theo kết quả và hiệu quả kinh doanh</u> dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được. 8. <u>Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.</u> Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. [....] <u>11. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo</u>	
--	--	--	--

		<u>hiếm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.</u>	
Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.[...] 2. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Phó Chủ tịch từ chối hoặc cũng trong tình trạng vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số thành viên còn</u>	Bổ sung Khoản 2. 1.[...] 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc. Thay đổi Khoản 2 cũ thành Khoản 3. Sửa đổi Khoản 2 cũ. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm: - <u>Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</u> - <u>Chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;</u> - <u>Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u> - <u>Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u> - <u>Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</u> - <u>Quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</u>	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	<u>lại tán thành cho đến khi Chủ tịch/ Phó Chủ tịch khôi phục khả năng làm việc hoặc khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</u> <u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>4. Trường hợp cả Chủ tịch và</u>	Lược bỏ quy định Khoản 3 cũ. Bổ sung quy định Khoản 4. <u>4. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Phó Chủ tịch từ chối hoặc cũng trong tình trạng vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi Chủ tịch/ Phó Chủ tịch khôi phục khả năng làm việc hoặc khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</u> Thay đổi Khoản 4 cũ thành Khoản 5.	
--	---	---	--

	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày;	5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.	
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	[...] 3. [...] a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập; b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người <u>điều hành khác</u>; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; <u>Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị được quyền triệu tập họp HĐQT khi xét thấy cần thiết.</u> [...] 6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và <u>được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</u> 7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba ngày làm việc trước <u>khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể</u>	Điều chỉnh quy định Khoản 3, 6, 7, 9, 12, 14, 15. [...] 3. [...] a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập <u>Hội đồng quản trị</u>; b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người <u>quản lý khác</u>; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; <u>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</u> [...] 6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	<u>có hiệu lực hồi tố</u>. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu <u>bầu</u> cho những thành viên <u>Hội đồng</u> <u>không thể dự họp</u>. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty. [...] 9.[...] Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.	điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu <u>biểu quyết</u> cho những thành viên (<u>trừ trường hợp các vấn đề được nêu ra trực tiếp tại cuộc họp và Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề cần biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc các hình thức khác không phải là bỏ phiếu kín</u>). Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty. <u>Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ngay khi được tất cả (100%) các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và tham dự họp.</u> <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự họp các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.</u> [...] 9.[...] Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác. <u>Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.</u>	
--	---	--	--

	[...] 12.b[...] Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp. [...] 14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về nội dung Biên bản họp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, Điều lệ này thì biên bản này có hiệu lực.	[...] 12.b[...] Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại/ <u>phương tiện thông tin liên lạc khác</u> được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp <u>như các quyết định được thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</u> [...] 14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. <u>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên <u>và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi.</u> Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về nội dung Biên bản họp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, Điều lệ này thì biên bản này có hiệu lực.	
--	--	---	--

	15. Nghị quyết bằng văn bản do Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị <u>cuộc họp tương ứng</u> thay mặt cho Hội đồng quản trị ban hành, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp đã thống nhất khác đi và được thể hiện tại Biên bản họp. 16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.	15. Nghị quyết <u>được lập</u> bằng văn bản do Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị thay mặt cho Hội đồng quản trị ban hành, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp đã thống nhất khác đi và được thể hiện tại Biên bản họp. 16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót. Bổ sung Khoản 17. 17. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	
Điều 28. B. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	1. Hội đồng quản trị công ty niêm yết có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị	Điều chỉnh quy định Khoản 1, 2, 4. 1. Hội đồng quản trị công ty niêm yết có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. <u>Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên</u>	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

	làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các tiểu ban được quyền hành động và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. [...]	<u>chiếm đa số trong Tiểu ban. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</u> 2. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các tiểu ban được quyền hành động và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. <u>Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người.</u> Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. [...] Bổ sung quy định Khoản 4. 4. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	
Điều 29. Người phụ trách quản trị công ty	1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty	Điều chỉnh quy định tại Khoản 1. 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. <u>Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</u> Bổ sung quy định Điểm i Khoản 4. Thay đổi Điểm i cũ thành Điểm k Khoản 4. <u>i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</u> k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	
--	--	--

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý	Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có <u>một Tổng giám đốc hoặc một số Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</u>	Điều chỉnh Điều 30. Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có <u>một Người đại diện theo pháp luật, một Tổng giám đốc và một số Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</u>	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020
Điều 31. Người điều hành	1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp	Điều chỉnh quy định Điều 31. 1. <u>Người đại diện theo pháp luật:</u> 1.1. <u>Người đại diện theo pháp luật</u>	Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2020

doanh nghiệp	<u>thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</u> <u>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc</u>	<u>đứng đầu và chịu trách nhiệm chỉ đạo, phân công và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Điều hành.</u> <u>1.2. Ngoài các quy định tại Điều 3, người đại diện theo pháp luật có các nhiệm vụ, quyền hạn dưới đây:</u> <u>a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.</u> <u>b. Quyết định, ký kết hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, bảo đảm, cầm cố, thế chấp và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;</u> <u>c. Quyết định việc đầu tư và/hoặc bán tài sản và/hoặc các giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp có giá trị dưới 25% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;</u> <u>d. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn, mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty. Đồng thời, quyết định cử người đại diện quản lý phần vốn góp, cổ phần của Công ty tại các doanh nghiệp đó;</u>	
----------------------------	---	---	--

		<u>e. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</u> <u>f. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</u> <u>g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u> <u>h. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u> <u>i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u> <u>j. Quyết định và ban hành các quy định, quy trình và văn bản nội bộ khác của Công ty ngoại trừ các văn bản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này;</u> <u>2. Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và (các) Phó Tổng Giám đốc. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật sẽ quyết định và triển khai việc tuyển dụng các Phó Tổng Giám đốc với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty.</u> <u>3. Người điều hành phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</u> <u>4. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp</u>	
--	--	---	--

[illegible]

hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là <u>những người vi thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</u> 3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. <u>Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> b. <u>Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài</u>	căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này <u>và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u> Thay đổi Khoản 3 cũ thành Khoản 4 4. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: Lược bỏ quy định Điểm a Khoản 3 cũ. Điều chỉnh Điểm b cũ Khoản 3. Thay đổi Điểm b cũ thành Điểm a Khoản 4. a. <u>Quyết định các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị phân quyền, ủy quyền, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ</u>
---	--

	<u>chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</u> <u>c.</u> Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ điều hành mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành khác; d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; <u>e.</u> Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của	<u>quản lý tốt nhất;</u> Thay đổi Điểm c cũ thành Điểm b Khoản 4. <u>b.</u> Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ điều hành mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành khác; Lược bỏ quy định Điểm d. Thay đổi Điểm e cũ thành Điểm c Khoản 4. Thay đổi Điểm f cũ thành Điểm d Khoản 4. Thay đổi Điểm g cũ thành Điểm e Khoản 4. Thay đổi Điểm i cũ thành Điểm g Khoản 4. <u>c.</u> Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách	
--	---	---	--

ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm. <u>f.</u> Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua; <u>g.</u> Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; <u>h.</u> Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng <u>tháng</u> của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng <u>tháng</u> của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty. <u>i.</u> Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.	phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm. <u>d.</u> Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua; <u>e.</u> Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; Điều chỉnh Điểm h cũ. Thay đổi Điểm h cũ thành Điểm f Khoản 4. <u>f.</u> Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng <u>quý</u> của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và <u>hàng quý</u> của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty. <u>g.</u> Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.	
--	---	--

		Bổ sung quy định Khoản 5. <u>5. Tổng Giám đốc được quyền yêu cầu các cán bộ quản lý triển khai thực hiện các công việc trong phạm vi được phân công, ủy quyền và báo cáo cho Tổng Giám đốc theo các quy định liên quan.</u> Thay đổi Khoản 5 cũ thành Khoản 6. 5. Báo cáo. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu. 6. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.	
		6. Báo cáo. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu. Điều chỉnh Khoản 6 cũ. Thay đổi Khoản 5 cũ thành Khoản 6. 7. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, <u>miễn nhiệm</u> Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (trong trường hợp <u>Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị, việc thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm này sẽ không tính</u> biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.	
CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ			
Điều 35.		Bổ sung quy định Khoản 1.	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
Trách nhiệm trung thực và		<u>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác</u>	

tránh các xung đột về quyền lợi	<u>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</u> <u>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị <u>tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</u> Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</u>	<u>phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</u> Thay đổi Khoản 1 cũ thành Khoản 2. <u>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</u> Điều chỉnh Khoản 2 cũ. Thay đổi Khoản 2 cũ thành Khoản 3. <u>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</u>	
---	---	---	--

	3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và <u>gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính</u>, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành Công ty, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu <u>hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên</u>	Điều chỉnh Khoản 3 cũ. Thay đổi Khoản 3 cũ thành Khoản 4. 4. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý <u>và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính</u> trừ trường hợp công ty đại chúng <u>và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác</u>, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Điều chỉnh Khoản 4 cũ. Thay đổi Khoản 4 cũ thành Khoản 5. 5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty, <u>Công ty con, doanh nghiệp do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn</u> điều lệ với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u>, Tổng Giám đốc, Người điều hành Công ty, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô	
--	---	--	--

<u>Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc và Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</u> a. Đối với <u>hợp đồng</u> có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc b. <u>Đối với những hợp đồng có giá trị từ 35% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên</u>	hiệu trong các trường hợp sau đây: a. Đối với <u>giao dịch</u> có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc b. <u>Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị,</u>	
--	--	--

	<u>quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</u> c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc <u>một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị</u> hay các <u>cổ đông</u> cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.	<u>thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</u> c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc <u>Đại hội đồng cổ đông</u> cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này. Bổ sung quy định Khoản 6, 7. 6. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy	
--	---	---	--

		định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty 7.. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con	Điều chỉnh Khoản 1, 2. 1.Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u>, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra 2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u>, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty)	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020

	của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác.	uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác.	
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT			
Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát <u>phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u>	Điều chỉnh quy định Khoản 2. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng <u>trước khi</u> Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát	1. <u>Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ công ty. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo</u>	Điều chỉnh quy định Khoản 1. 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan <u>và không thuộc đối tượng sau:</u> <u>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</u>	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020

<u>nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 168, 169 Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u> [...] <u>4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</u> <u>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp</u> <u>b. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</u> <u>c. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;</u> <u>d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực</u>	<u>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</u> Ban kiểm soát phải bầu một thành viên trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát, việc <u>bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm</u>, theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 168, 169 Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: [...] Điều chỉnh Khoản 4. <u>4. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</u> <u>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</u> <u>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> <u>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u> <u>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</u>	
---	---	--

	<u>hành vi;</u> <u>e. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</u> <u>f. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u>	Bổ sung quy định Khoản 5. <u>5. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ được xem xét bãi nhiệm khi:</u> <u>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</u> <u>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</u> <u>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</u>	
Điều 39. Ban kiểm soát	1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử số lượng ứng viên tương đương với 1/5	Bổ quy định Khoản 1.	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020

	tổng số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu đảm bảo ít nhất là một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 2/5 tổng số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 3/5 tổng số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 4/5 tổng số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu; và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa đủ số lượng ứng viên tương đương với 100% số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu. 2. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này,	Điều chỉnh Khoản 2 cũ. Thay đổi Khoản 2 cũ thành Khoản 1. 1. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	
--	---	--	--

chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; [...] f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty; [...] h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý. [...] k. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông; [...] m. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;	a. <u>Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; đề xuất tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</u> [...] f. <u>Xem xét ý kiến của kiểm toán viên độc lập (nếu có);</u> [...] Lược bỏ Điểm h Khoản 2 cũ. [...] k. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, <u>đảm bảo</u> sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông; [...] m. <u>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</u>
---	--

		<u>ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u> Bổ sung Điểm n, o Khoản 2 cũ. <u>n. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u> <u>o. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</u> <u>Điều chỉnh quy định Khoản 3, 4.</u>
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là <u>hai người</u> .	3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu <u>là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp[hai] người. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</u>	
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát thực	4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát thực	

	hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn, các chi phí phát sinh và chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.	hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn, và các chi phí phát sinh <u>và chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập</u> một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. <u>Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</u> <u>Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</u>	
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY			
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu	Điều chỉnh Khoản 1. 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị báo cáo tài chính giữa	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020

	kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.	năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.	
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN			
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn	Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, <u>buộc thôi việc</u> , tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	Điều chỉnh quy định Điều 41. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, <u>ng nghỉ việc</u> , tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN			
Điều 42. Cổ tức	1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định	Điều chỉnh Khoản 1, 7. 1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020

	của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận <u>giữ lại</u> của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất <u>sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</u> [...] <u>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</u>	của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất. [...] <u>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách hưởng quyền. Căn cứ theo ngày đó, những cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền tham dự đại hội cổ đông, nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc quyền khác theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Ngày chốt danh sách có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</u>	
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN			

Điều 44. Tài khoản ngân hàng	3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.	Điều chỉnh Khoản 3. 3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. <u>Công ty cũng có thể thực hiện các phương thức thanh toán và giao dịch khác theo quyết định của Hội đồng quản trị và/ hoặc Tổng giám đốc.</u>	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 46. Năm tài chính	<u>Điều 46. Năm tài khóa</u> <u>Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Tư hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 03 của năm tiếp theo</u>	Điều chỉnh quy định Điều 46. <u>Điều 46. Kỳ kế toán năm</u> <u>Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Kỳ kế toán năm đầu tiên áp dụng quy định này là năm tài chính 2022, giai đoạn từ ngày 01 tháng 4 năm 2022 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.</u>	Thay đổi phù hợp với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi kỳ kế toán.
Điều 47. Hệ thống kế toán	2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	Điều chỉnh quy định Khoản 2 và Khoản 3. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia <u>và theo quy định pháp luật</u> . Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. <u>Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh</u>	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020

		<u>chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</u>	
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG			
Điều 48. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, <u>và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</u> 2. <u>Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo</u>	Điều chỉnh quy định Khoản 1. 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này. <u>Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u> Lược bỏ quy định Khoản 2 cũ.	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020

<u>lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</u> <u>3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng đã soát xét và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan.</u> <u>4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.</u> <u>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm</u>	Thay đổi Khoản 3 cũ thành Khoản 2. <u>2. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng đã soát xét và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan.</u> Lược bỏ quy định Khoản 4. Thay đổi Khoản 5 cũ thành Khoản 3. <u>3. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo</u>	
---	---	--

	toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp	sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	
Điều 49. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan <u>thuế hữu quan</u> và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của <u>Luật Doanh nghiệp</u> .	Điều chỉnh quy định Điều 49. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, <u>Sở Giao dịch chứng khoán</u> và nộp cho cơ quan <u>thuế liên quan</u> theo các quy định của <u>pháp luật</u> .	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
CHƯƠNG XVII. CON DẤU			
Điều 52. Con dấu	1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.	Điều chỉnh quy định Khoản 1. 1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ			
Điều 53. Chấm dứt hoạt động	1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;	Điều chỉnh quy định Khoản 1. 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: Lược bỏ quy định Điểm a Khoản 1 Thay đổi Điểm b cũ thành Điểm a. Thay đổi Điểm c cũ thành Điểm b.	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020

	b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.	a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Bổ sung quy định Điểm c, d. c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; d. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Thay đổi Điểm d cũ thành Điểm e. e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.	
Điều 54. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau: 1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động. 2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy	Lược bỏ quy định Điều 54	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020

	định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị. 3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.		
Điều 55. Gia hạn hoạt động	1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Lược bỏ quy định Điều 55	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 54. Thanh lý	1. Tối thiểu sáu tháng trước khi <u>kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi</u> có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm [ba] thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động	Điều chỉnh quy định Khoản 1. 1. Tối thiểu sáu tháng trước khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm <u>03</u> [ba] thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông <u>chỉ định trong số cổ đông hoặc người quản lý hoặc nhân viên Công ty</u> và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình.	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020

	của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	
--	--	--	--

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng <u>sáu tuần</u> từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.	Điều chỉnh quy định Khoản 2. 2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong <u>vòng 60 ngày</u> từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế <u>có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.</u>	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
--	--	--	--

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định;	Điều chỉnh quy định Khoản 1. 1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định, <u>trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua..</u>	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
--	---	--	--

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực	1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 60 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật nhất trí	Điều chỉnh quy định Khoản 1, 4. 1. Bản điều lệ này gồm XXI chương điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
---	---	--	--



thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. [...] 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị</u> mới có giá trị.	Thiết bị Y tế Việt Nhật nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. [...] 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật mới có giá trị.	
--	--	--